

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**



---

Tháng 3 năm 2022

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 24

11/11/2023 10:11:11

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

- |                          |  |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Doãn Văn Quang    | Chủ tịch Hội đồng quản trị                     |
| 2. Ông Daisuke Komoto    | Ủy viên  |
| 3. Ông Shunjiro Suga     | Ủy viên  |
| 4. Ông Doãn Trường Giang | Ủy viên  |
| 5. Ông Vũ Tế Vị          | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2022)   |
| 6. Ông Trần Văn Thiệu    | Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2022) |

#### **Tổng Giám đốc**

- |                          |               |
|--------------------------|---------------|
| 1. Ông Doãn Trường Giang | Tổng Giám đốc |
|--------------------------|---------------|

#### **Ban Kiểm soát**

- |                           |            |
|---------------------------|------------|
| 1. Ông Phạm Minh Hưng     | Trưởng ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Trục     | Thành viên |

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Doãn Trường Giang - Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính



**Đoàn Trường Giang**  
**Tổng Giám đốc**

Quảng Ninh, ngày 13 tháng 03 năm 2023

121 0 121



Số: 031302/2023/BCKT-iCPA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 03 năm 2023, từ trang 5 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



**Khúc Đình Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2023-072-01  
Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2023

**Nguyễn Huy Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2335-2023-072-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>269.718.164.296</b>	<b>215.022.201.431</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>159.862.639.977</b>	<b>94.801.136.706</b>
1. Tiền	111		14.056.426.369	4.282.346.325
2. Các khoản tương đương tiền	112		145.806.213.608	90.518.790.381
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>90.744.930.436</b>	<b>50.252.054.795</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	90.744.930.436	50.252.054.795
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.215.182.849</b>	<b>66.095.687.771</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.652.172.938	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.305.599.000	893.039.050
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	6.216.354.260	65.161.592.070
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		41.056.651	41.056.651
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>2.750.059.237</b>	<b>3.655.939.217</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.750.059.237	3.655.939.217
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>145.351.797</b>	<b>217.382.942</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	112.808.680	186.782.200
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	32.543.117	30.600.742
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>162.666.642.564</b>	<b>189.911.423.285</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>109.903.539.448</b>	<b>132.593.539.448</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	80.600.000.000	103.290.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	29.303.539.448	29.303.539.448
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.732.762.884</b>	<b>23.454.175.219</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.898.103.387	23.454.175.219
- Nguyên giá	222		57.660.798.285	52.750.183.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.762.694.898)	(29.296.008.557)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	834.659.497	-
- Nguyên giá	228		1.308.000.000	305.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(473.340.503)	(305.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>389.348.000</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		389.348.000	-
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	19.800.000.000	19.800.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.840.992.232</b>	<b>14.063.708.618</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	9.840.992.232	14.063.708.618
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>432.384.806.860</b>	<b>404.933.624.716</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>84.334.602.214</b>	<b>133.063.062.206</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>56.749.012.539</b>	<b>105.647.627.181</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	5.441.718.876	4.764.107.959
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	790.455.237	60.637.187.133
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	28.057.505.977	22.400.178.591
4. Phải trả người lao động	314		12.401.821.660	9.513.154.400
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	5.814.436.214	3.451.170.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	3.587.523.935	4.103.878.458
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		655.550.640	777.950.640
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.585.589.675</b>	<b>27.415.435.025</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	27.585.589.675	27.415.435.025
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>348.050.204.646</b>	<b>271.870.562.510</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>348.050.204.646</b>	<b>271.870.562.510</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.900.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.537.064.160	19.537.064.160
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		141.478.070.782	141.478.070.782
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		156.135.069.704	80.855.427.568
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		48.055.427.568	1.000.000.000
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		108.079.642.136	79.855.427.568
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>432.384.806.860</b>	<b>404.933.624.716</b>

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 03 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.365.233.264.367	980.883.327.106
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	1.307.880
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.365.233.264.367	980.882.019.226
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.117.646.814.684	794.678.218.197
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		247.586.449.683	186.203.801.029
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11.814.686.436	5.687.029.646
7. Chi phí tài chính	22		335.391.096	89.419.178
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		335.391.096	89.419.178
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	105.864.307.933	76.585.783.155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	18.620.425.355	13.918.191.436
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		134.581.011.735	101.297.436.906
11. Thu nhập khác	31	VI.6	924.765.698	1.182.476.845
12. Chi phí khác	32	VI.7	728.222.668	580.134.291
13. Lợi nhuận khác	40		196.543.030	602.342.554
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		134.777.554.765	101.899.779.460
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	26.697.912.629	20.064.351.892
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		108.079.642.136	81.835.427.568

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng




Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 03 năm 2023




**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	134.777.554.765	101.899.779.460
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.252.488.749	6.148.266.699
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.915.595.527)	(6.062.484.191)
Chi phí lãi vay	06	335.391.096	89.419.178
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	130.449.839.083	102.074.981.146
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	50.175.340.606	(39.096.107.754)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	905.879.980	1.367.988.704
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(55.228.911.622)	29.040.562.582
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	4.296.689.906	3.052.898.483
Tiền lãi vay đã trả	14	(335.391.096)	(89.419.178)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.075.060.999)	(15.553.958.571)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(122.400.000)	(81.500.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>110.065.985.858</b>	<b>80.715.445.412</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.920.424.414)	(8.877.771.924)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	100.909.091	375.454.545
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(261.237.806.077)	(98.252.054.795)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	243.434.930.436	71.390.589.041
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.517.908.377	5.241.170.130
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.104.482.587)</b>	<b>(30.122.613.003)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.900.000.000)	(5.879.814.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(31.900.000.000)</b>	<b>(5.879.814.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>65.061.503.271</b>	<b>44.713.018.009</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	94.801.136.706	50.088.118.697
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	159.862.639.977	94.801.136.706

  
Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

  
Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



  
Đoàn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 03 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700433939 cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 05 năm 2022 vốn điều lệ của Công ty là 30.900.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.090.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh thương mại mặt hàng nước giải khát có cồn và không có cồn (Bia, rượu và các loại nước giải khát khác).

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai	Quảng Ninh	99%	99%	99%	Sản xuất bia và nước giải khát

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**7. Nhân viên**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 391 người (tại 31 tháng 12 năm 2021 là 332 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG**

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
Máy móc thiết bị	07 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.555.096.892	2.634.944.391
Tiền gửi ngân hàng	10.501.329.477	1.647.401.934
Các khoản tương đương tiền (i)	145.806.213.608	90.518.790.381
<b>Cộng</b>	<b>159.862.639.977</b>	<b>94.801.136.706</b>

(i) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất tiền gửi từ 4%/năm đến 6%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**Mẫu số B 09-DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	90.744.930.436	50.252.054.795
<b>Cộng</b>	<b>90.744.930.436</b>	<b>50.252.054.795</b>

(i) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 5%/năm đến 8%/năm.

**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngô Thị Hường	781.119.987	-
Tạ Hữu Bản	441.340.890	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	429.712.061	-
<b>Cộng</b>	<b>1.652.172.938</b>	<b>-</b>

**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và NGK Đông Mai	7.500.375.000	-
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Công Nghiệp Việt Nam	165.000.000	165.000.000
Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Cửa lục	230.725.210	99.998.950
Trả trước cho người bán khác	409.498.790	628.040.100
<b>Cộng</b>	<b>8.305.599.000</b>	<b>893.039.050</b>
<b>Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	<b>7.500.375.000</b>	<b>-</b>

**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai (i)	80.600.000.000	103.290.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.600.000.000</b>	<b>103.290.000.000</b>
<b>Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	<b>80.600.000.000</b>	<b>103.290.000.000</b>

(i) Gồm các Hợp đồng cho vay trong năm 2020 và năm 2021 với Công ty cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai, thời gian cho vay là 10 năm, với lãi suất 0%/năm, mục đích cho vay để đầu tư nâng cấp, hoàn thiện nhà máy sản xuất Bia.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ (i)	686.118.885	62.349.379.225
Tạm ứng	1.375.787.017	796.276.400
Dự thu lãi ngân hàng	838.765.279	541.987.220
Phải thu khác	3.315.683.079	1.473.949.225
<b>Cộng</b>	<b>6.216.354.260</b>	<b>65.161.592.070</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	29.303.539.448	29.303.539.448
<b>Cộng</b>	<b>29.303.539.448</b>	<b>29.303.539.448</b>
<b>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	<b>29.303.539.448</b>	<b>29.303.539.448</b>

(i) Gồm các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán L/C phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thư tín dụng của Công ty, cụ thể:

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2017/479127/HĐBĐ ngày 30 tháng 06 năm 2017, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 4,8%/năm, kỳ hạn 03 tháng.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2020/479127/HĐBĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, lãi suất 3,4%/năm, kỳ hạn 01 tháng.

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước khác	112.808.680	186.782.200
<b>Cộng</b>	<b>112.808.680</b>	<b>186.782.200</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.748.051.557	13.983.720.280
Chi phí trả trước khác	92.940.675	79.988.338
<b>Cộng</b>	<b>9.840.992.232</b>	<b>14.063.708.618</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.412.016.933	-	2.759.114.633	-
Công cụ, dụng cụ	1.303.899.198	-	871.609.316	-
Hàng hóa	34.143.106	-	25.215.268	-
<b>Cộng</b>	<b>2.750.059.237</b>	<b>-</b>	<b>3.655.939.217</b>	<b>-</b>

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	5.428.783.748	1.356.325.560	45.611.728.020	353.346.448	52.750.183.776
Mua trong năm	-	1.040.675.000	4.487.401.414	-	5.528.076.414
Thanh lý	-	-	617.461.905	-	617.461.905
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.428.783.748</b>	<b>2.397.000.560</b>	<b>49.481.667.529</b>	<b>353.346.448</b>	<b>57.660.798.285</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	1.055.181.633	1.356.325.560	26.607.182.701	277.318.663	29.296.008.557
Khấu hao trong năm	886.053.734	88.994.268	6.084.700.248	24.399.996	7.084.148.246
Thanh lý	-	-	617.461.905	-	617.461.905
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.941.235.367</b>	<b>1.445.319.828</b>	<b>32.074.421.044</b>	<b>301.718.659</b>	<b>35.762.694.898</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	4.373.602.115	-	19.004.545.319	76.027.785	23.454.175.219
Tại ngày cuối năm	3.487.548.381	951.680.732	17.407.246.485	51.627.789	21.898.103.387

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.300.719.942 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12.071.647.301 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mẫu số B 09-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực thu, bù trừ trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND		VND	
<b>a) Các khoản phải thu</b>								
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	25.085.942	25.085.942		25.085.942
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	30.600.742		1.777.721.069		1.754.577.502		7.457.175	
<b>Cộng</b>	<b>30.600.742</b>		<b>1.777.721.069</b>		<b>1.779.663.444</b>		<b>32.543.117</b>	
<b>b) Các khoản phải trả</b>								
Thuế giá trị gia tăng	1.435.958.477		136.591.343.402		138.027.301.879		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.064.351.892		26.697.912.629		20.075.060.999		26.687.203.522	
Thuế thu nhập cá nhân	897.185.113		2.612.902.427		2.139.785.085		1.370.302.455	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-		726.102.384		726.102.384		-	
Các loại thuế khác	2.683.109		3.000.000		5.683.109		-	
<b>Cộng</b>	<b>22.400.178.591</b>		<b>166.631.260.842</b>		<b>160.973.933.456</b>		<b>28.057.505.977</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	305.000.000	305.000.000
Mua trong năm	1.003.000.000	1.003.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.308.000.000</b>	<b>1.308.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	305.000.000	305.000.000
Khấu hao trong năm	168.340.503	168.340.503
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>473.340.503</b>	<b>473.340.503</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	-	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>834.659.497</b>	<b>834.659.497</b>

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai (i)	19.800.000.000	19.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.800.000.000</b>	<b>19.800.000.000</b>

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thường cho các đại lý	5.706.357.076	3.271.170.000
Các khoản trích trước khác	108.079.138	180.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.814.436.214</b>	<b>3.451.170.000</b>

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	30.634.500	4.825.540
Bảo hiểm xã hội	4.384.251	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.552.505.184	4.099.052.918
<b>Cộng</b>	<b>3.587.523.935</b>	<b>4.103.878.458</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	27.585.589.675	27.415.435.025
<b>Cộng</b>	<b>27.585.589.675</b>	<b>27.415.435.025</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG**  
Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,  
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất bao bì Tiến Vinh	203.594.733	203.594.733	1.573.529.500	1.573.529.500
Công ty TNHH Bao Bì Việt Hưng	1.882.474.480	1.882.474.480	1.623.837.644	1.623.837.644
Công ty Cổ phần tiếp thị số Tô Quà	611.280.625	611.280.625	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	2.744.369.038	2.744.369.038	1.566.740.815	1.566.740.815
<b>Cộng</b>	<b>5.441.718.876</b>	<b>5.441.718.876</b>	<b>4.764.107.959</b>	<b>4.764.107.959</b>
<b>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	-	-	425.997.198	425.997.198

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Minh Linh Star	-	-	11.810.280.000	11.810.280.000
Phạm Thị Nhung	289.124.985	289.124.985	5.154.800.000	5.154.800.000
Mai Duy Tùng	213.500.004	213.500.004	16.800.000	16.800.000
Ngô Hiếu Công	73.928.232	73.928.232	3.305.650.000	3.305.650.000
Các đối tượng khác	213.902.016	213.902.016	40.349.657.133	40.349.657.133
<b>Cộng</b>	<b>790.455.237</b>	<b>790.455.237</b>	<b>60.637.187.133</b>	<b>60.637.187.133</b>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bia và nước giải khát và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.365.233.264.367</b>	<b>980.883.327.106</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán bia	1.237.005.299.777	891.903.260.950
- Doanh thu vận chuyển bia	128.227.964.590	88.980.066.156
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>1.307.880</b>
- Chiết khấu thương mại	-	1.307.880
<b>Cộng</b>	<b>1.365.233.264.367</b>	<b>980.882.019.226</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán bia	1.058.423.097.841	747.023.926.145
Giá vốn vận chuyển bia	59.223.716.843	47.654.292.052
<b>Cộng</b>	<b>1.117.646.814.684</b>	<b>794.678.218.197</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	9.868.695.008	3.707.029.646
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.945.991.428	1.980.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.814.686.436</b>	<b>5.687.029.646</b>

**4. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	28.947.641.051	18.309.860.611
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	9.712.534.591	11.684.799.578
Chi phí khấu hao TSCĐ	139.883.070	24.281.112
Thuế, phí và lệ phí	117.664.670	51.676.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.681.285.018	37.653.795.784
Chi phí khác bằng tiền	20.265.299.533	8.861.369.220
<b>Cộng</b>	<b>105.864.307.933</b>	<b>76.585.783.155</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.635.384.050	7.584.493.536
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	2.723.104	4.117.332
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.145.524.015	1.019.690.601
Thuê, phí và lệ phí	1.780.971.069	740.602.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.860.472.576	1.596.868.735
Chi phí bằng tiền khác	5.195.350.541	2.972.418.848
<b>Cộng</b>	<b>18.620.425.355</b>	<b>13.918.191.436</b>

**6. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu bồi hoàn tiền đặt cọc vỏ chai	162.547.582	84.925.909
Thanh lý tài sản cố định	100.909.091	375.454.545
Thanh lý thiết bị bán hàng	13.981.000	269.361.094
Thu nhập khác	647.328.025	452.735.297
<b>Cộng</b>	<b>924.765.698</b>	<b>1.182.476.845</b>

**7. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính	250.019.806	-
Chi phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp	55.769.593	37.633.506
Các khoản khác	422.433.269	542.500.785
<b>Cộng</b>	<b>728.222.668</b>	<b>580.134.291</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	134.777.554.765	101.899.779.460
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.287.991.622)	(1.578.020.000)
Các khoản điều chỉnh tăng	657.999.806	401.980.000
- Chi phí không hợp lý khi tính thuế	657.999.806	401.980.000
Các khoản điều chỉnh giảm	1.945.991.428	1.980.000.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.945.991.428	1.980.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>133.489.563.143</b>	<b>100.321.759.460</b>
<b>Thuế suất</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>26.697.912.629</b>	<b>20.064.351.892</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>26.697.912.629</b>	<b>20.064.351.892</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.034.679.623	20.759.011.878
Chi phí nhân công	71.892.543.883	55.797.024.672
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.220.642.749	6.148.266.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.508.222.016	42.827.896.092
Chi phí khác bằng tiền	29.052.361.860	12.626.067.302
<b>Cộng</b>	<b>183.708.450.131</b>	<b>138.158.266.643</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	Công ty con
Ông Doãn Văn Quang	Chủ tịch HĐQT
Ông Doãn Trường Giang	Tổng giám đốc
Ông Daisuke Komoto	Thành viên HĐQT
Ông Shunjiro Suga	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Tế Vị	Thành viên HĐQT

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	1.058.900.300.003	747.022.440.693
<b>Cộng</b>	<b>1.058.900.300.003</b>	<b>747.022.440.693</b>
<b>Cổ tức nhận được trong năm</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	1.945.991.428	1.980.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.945.991.428</b>	<b>1.980.000.000</b>

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	29.303.539.448	29.303.539.448
<b>Cộng</b>	<b>29.303.539.448</b>	<b>29.303.539.448</b>
<b>Các khoản phải trả người bán</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	-	425.997.198
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>425.997.198</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	7.500.375.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.500.375.000</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu về cho vay</b>		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	80.600.000.000	103.290.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.600.000.000</b>	<b>103.290.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thù lao, phụ của Hội đồng quản trị, thu nhập Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
1. Ông Doãn Văn Quang	899.664.538	1.114.401.538
2. Ông Shunjiro Suga	70.000.000	70.000.000
3. Ông Trần Văn Thiệu	469.365.384	1.181.891.359
<b>Tổng Giám đốc</b>		
1. Ông Doãn Trường Giang	1.045.775.385	1.226.360.385
<b>Ban kiểm soát</b>		
1. Bà Nguyễn Thị Kim Loan	155.545.323	238.388.525
2. Ông Phạm Minh Hưng	320.019.616	426.212.307
3. Bà Nguyễn Thị Trục	12.000.000	8.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.972.370.247</b>	<b>4.265.254.114</b>

**2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

Đào Thị Xuyên  
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên  
Kế toán trưởng



Doãn Trường Giang  
Tổng Giám đốc  
Ngày 13 tháng 03 năm 2023